

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH TG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 365/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 24/7/2023.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, cấp
dưỡng nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Văn Bình;

Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị B.T** – sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp QT, xã QL, huyện CG, tỉnh TG.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp QT, xã QL, huyện CG, tỉnh TG.

(Chị B.T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phan Thị B.T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị B.T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện CG, tỉnh TG vào ngày 16/6/2014. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con.

Anh chị ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị B.T xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Phan Thái H – sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Phan Thái L – sinh ngày 19/7/2022, hiện hai cháu đang sống chung với chị B.T. Khi ly hôn chị B.T yêu cầu trực tiếp nuôi hết hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B.T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị B.T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.T.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Phan Thái H – sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Phan Thái L – sinh ngày 19/7/2022 cho chị B.T trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B.T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị B.T mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

Về tài sản chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị B.T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã QL, huyện CG, tỉnh TG; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện CG.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Phan Thị B.T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.T, anh T.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị B.T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị B.T và anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã QL, huyện CG, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 16/6/2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. **Chị B.T xin ly hôn anh T với lý do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con.** Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B.T, cho thấy anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị B.T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị B.T ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Thái H – sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Phan Thái L – sinh ngày 19/7/2022, hiện các cháu đang sống chung với chị B.T. Khi ly hôn chị B.T yêu cầu được trực tiếp nuôi hết các con chung. Xét các cháu còn nhỏ, nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị B.T, hơn nữa các cháu hiện đang sống chung với chị B.T, nên cần ổn định cuộc sống, cũng như các điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho các cháu phát triển và đây cũng là nguyện vọng của cháu Nguyễn Phan Thái H. Anh T không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét cần giao cho chị B.T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B.T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng của chị B.T đối với các con chung là có cơ sở, phù hợp với pháp luật quy định. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ nuôi con theo pháp luật quy định hoặc chị B.T, anh T có thỏa thuận khác.

[4] Về tài sản chung: Chị B.T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B.T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu **khởi kiện** của chị Phan Thị B.T. **Cụ thể:**

1. Cho chị Phan Thị B.T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

- Giao chị Phan Thị B.T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Phan Thái H – sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Phan Thái L – sinh ngày 19/7/2022.

- Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng/cháu). Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ nuôi con theo pháp luật quy định hoặc chị B.T, anh T có thỏa thuận khác.

- Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị Phan Thị B.T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0025533 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, xem như chị đã thi hành xong án phí.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Ủy ban nhân dân xã QL;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Minh Quân